

Bản án số: **502/2024/DS-PT**
Ngày: 04-9-2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Kiều Kim Xuân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Đước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/7/2024, ngày 20/8/2024 và ngày 04/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 426/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Ngọc S: Anh Đặng Văn K, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số B, Tổ F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (Theo Giấy uỷ quyền ngày 31/10/2022).

2. Bị đơn: Trần Minh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số C, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Trần Minh T: Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số C, đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Theo Giấy uỷ quyền ngày 06/02/2023).

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc S là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc S ủy quyền cho anh Đặng Văn K đại diện trình bày: Anh Nguyễn Ngọc S với anh Trần Minh T trao đổi mua bán gạo thông qua điện thoại, sau đó anh S cho nhân viên giao gạo qua nhân viên của anh T theo thoả thuận miệng qua điện thoại, rồi nhân viên kế toán của anh T xác nhận gửi qua Zalo của anh S, bảng chiết tính gồm có đơn giá, số lượng và thành tiền để anh T xác nhận trên nội dung tin nhắn Zalo với anh S. Việc mua bán giữa anh S với anh T là mua bán giữa cá nhân với nhau. Do anh S với anh T là chỗ quen biết và làm ăn với nhau lâu năm nên anh S tin tưởng và chỉ thoả thuận, xác nhận nợ bằng lời nói thông qua điện thoại và nội dung tin nhắn Zalo. Tính đến ngày 24/6/2022, anh T đã xác nhận với bên anh S đã giao gạo tại K1, xác nhận công nợ còn nợ tổng cộng là 381.700.000 đồng.

Anh Nguyễn Ngọc S yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho anh S số tiền mua gạo còn nợ là 381.700.000 đồng và không yêu cầu lãi chậm trả. Tài liệu, chứng cứ để anh S chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh S là bản phôtô Biên bản giao nhận hàng hoá đề ngày 18/3/2022; bản phôtô 03 Tờ giấy tập kẻ ngang đề ngày 15/3, 21/3/2022, 23/3/2022; 03 bản phôtô được in trên tờ giấy A4, có tiêu đề K1 3, gồm 01 trang và không có nội dung ký xác nhận công nợ.

- Bị đơn Trần Minh T ủy quyền cho anh Nguyễn Thành T1 đại diện trình bày: Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có người đại diện tham gia phiên họp, xét xử. Đồng thời, anh T1 và anh T cũng không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc S.

2. Về án phí và tạm ứng án phí: Anh Nguyễn Ngọc S phải chịu số tiền 19.085.000 đồng (Mười chín triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 9.542.500 đồng (Chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng) mà anh S đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0016350, ký hiệu biên lai 14BE-21, quyền số 0327, ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Anh S còn phải nộp tiếp số tiền 9.542.500 đồng (Chín triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/4/2024 anh Nguyễn Ngọc S không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo. Anh S yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc S ủy quyền cho anh Đặng Văn K: Ngày 16/8/2024 Tòa án nhận được Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 14/8/2024; Ngày 20/8/2024 Tòa án nhận được Đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh S và tại phiên tòa anh K rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện với điều kiện Tòa án phúc thẩm xem xét ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nếu Tòa án phúc thẩm không chấp nhận thì giữ nguyên kháng cáo và giao nộp tài liệu bổ sung theo Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ ngày 20/8/2024; Ngày 26/8/2024 Tòa án nhận được Đơn xin rút yêu cầu rút đơn khởi kiện và kháng cáo ngày 24/8/2024 của anh K và anh S với nội dung yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu không sửa án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do như sau:

+ Không hòa giải đôi chất giữa nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các nhân chứng trong vụ kiện;

+ Thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hồng Thị Thùy D, ngụ tại: Số C, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là người nhà của anh T chủ kho K1 là người xác nhận công nợ và giữ các bản chính công nợ, là người biết rõ việc anh T còn nợ anh S.

Ngoài ra, anh S và anh T yêu cầu được xét xử vắng mặt, chấp nhận phán quyết của Tòa án, cam kết không khiếu nại về sự vắng mặt.

- Bị đơn Trần Minh T ủy quyền cho anh Nguyễn Thành T1: Anh T1 nộp cho Tòa án Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22/7/2024 và Đơn trình bày ý kiến về việc nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo đề ngày 19/8/2024 với nội dung nguyên đơn có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo, bị đơn đồng ý và đề nghị Tòa án phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến đối với kháng cáo và khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc S thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc S; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 405/PB-VKS-DS ngày 04/9/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Vò thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc anh Nguyễn Ngọc S nộp đơn kháng cáo đề ngày 25/4/2024 vào ngày 26/4/2024 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc S ủy quyền cho anh Đặng Văn K và bị đơn anh Trần Minh T ủy quyền cho anh Nguyễn Thành T1 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc S cho rằng có thỏa thuận bán gạo cho anh Trần Minh T thông qua điện thoại, sau đó anh S cho nhân viên giao gạo qua nhân viên của anh T, rồi nhân viên kế toán của anh T xác nhận bằng chiết tính gồm có đơn giá, số lượng và thành tiền để anh T xác nhận trên nội dung tin nhắn Zalo với anh S. Do anh S với anh T là chỗ quen biết và làm ăn với nhau lâu năm nên anh S tin tưởng chỉ thỏa thuận, xác nhận nợ bằng lời nói thông qua điện thoại và nội dung tin nhắn Zalo. Tính đến ngày 24/6/2022, anh T đã xác nhận với bên anh S đã giao gạo tại K1, xác nhận công nợ anh T còn nợ anh S tổng cộng là 381.700.000 đồng. Anh Nguyễn Ngọc S yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho anh S số tiền mua gạo còn nợ là 381.700.000 đồng và không yêu cầu lãi chậm trả. Bị đơn anh Trần Minh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để cung cấp lời khai hay văn bản ý kiến và tài liệu, chứng cứ kèm theo. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc S yêu cầu bị đơn anh Trần Minh T có nghĩa vụ trả cho anh S số tiền mua gạo còn nợ là 381.700.000 đồng là có cơ sở. Bồi các lẽ như sau:

- Anh S yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho anh S số tiền mua gạo còn nợ là 381.700.000 đồng và không yêu cầu lãi chậm trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, anh S cung cấp bản phô tô Biên bản giao nhận hàng hoá đề ngày 18/3/2022; bản phô tô 03 Tờ giấy tập kê ngang đề ngày 15/3, 21/3/2022, 23/3/2022; 03 bản phô tô được in trên tờ giấy A4 có tiêu đề Kho Tân Việt Hoà 3, gồm 01 trang. Ngoài tài liệu này thì nguyên đơn không cung cấp được bản chính tài liệu hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hay chứng cứ khác chứng minh việc anh T còn nợ anh S số tiền mua gạo là 381.700.000 đồng.

- Việc khởi kiện của nguyên đơn đã không được bị đơn thừa nhận, đồng thời nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở được quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

- Toà án sơ thẩm đã có thông báo yêu cầu nguyên đơn anh S cung cấp bản chính bản đối chiếu công nợ có chữ ký xác nhận của anh T và cung cấp tất cả các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh S là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, thể hiện : Thông báo bổ sung tài liệu, chứng cứ số: 06/TB-TA ngày 27/6/2023 gửi cho nguyên đơn (Bút lục 34) và được anh Đặng Văn K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nhận ngày 30/6/2023 (Bút lục 33) và Thông báo bổ sung tài liệu, chứng cứ (Lần thứ hai) số: 06/TB-TA ngày 04/01/2024 gửi cho nguyên đơn (Bút lục 35) và được anh K nhận ngày 06/01/2024 (Bút lục 48). Tuy nhiên, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn vẫn không cung cấp thêm được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác. Như vậy, theo quy định của pháp luật thì các tài liệu mà anh S cung cấp cho Toà án không được coi là chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cung cấp bổ sung các bản phô tô tài liệu gồm: 01 (Một) Tờ giấy đề K1, có nội dung TỔNG CỘNG CÔNG NỢ 2.061.700.000đ; 01 (Một) Tờ giấy đề K1, có nội dung TỔNG CỘNG CÔNG NỢ 1.761.700.000đ; 01 (Một) Tờ giấy đề K1, có nội dung TỔNG CỘNG CÔNG NỢ 1.461.700.000đ; 01 (Một) Tờ giấy đề K1, có nội dung TỔNG CỘNG CÔNG NỢ 1.161.700.000đ; 01 (Một) Tờ giấy đề K1, có nội dung TỔNG CỘNG CÔNG NỢ 961.700.000đ; 01 (Một) Tờ giấy đề K1, có nội dung TỔNG CỘNG CÔNG NỢ 761.700.000đ; 01 (Một) Tờ giấy đề K1, có nội dung TỔNG CỘNG CÔNG NỢ 581.700.000đ; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 26/02/2020, số ghe ĐT 25750, số lượng 120 tấn chẵn; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 02/3/2022, số ghe CT 00530, số lượng 112 tấn; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 24/02/2022, số ghe CT 07887, số lượng 680^{bao}

+ 2520^b = 3200^b; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 16/02/2022, số ghe AG 23844, số lượng 110^T . 2200^b; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 07/02/2022, số ghe AG 23844, số lượng 2200 bao; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 21/02/2022, số ghe AG 23796, số lượng 2800 bao; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 20/3 không đề năm, số ghe CT 08764, số lượng 2400 bao; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 25/02/2022, số ghe BL 05639, số chứng minh 100 tấn; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 02/3/2022, số ghe AG 11329, số lượng 2000 bao; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 23/3/2022, số ghe CT 00645, số lượng 100 Tấn; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 04/9 không đề năm, số ghe CT 08769, số lượng 4000 bao 200 tấn; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 21/3/2022, số ghe CT 00645, số lượng 1825 bao^{50/sg}; 01 (Một) Tờ giấy đề ngày 15/3 không đề năm, số ghe ST 06116, số lượng 79 bao; 18 (Mười tám) Hình ảnh chụp tin nhắn điện thoại photo ra (theo Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ ngày 20/8/2024). Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu do nguyên đơn cung cấp bổ sung Tòa án phúc thẩm không được xem là chứng cứ do nguyên đơn không cung cấp được bản chính tài liệu hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hay chứng cứ khác chứng minh việc anh T còn nợ anh S số tiền mua gạo là 381.700.000 đồng. Vì vậy, anh S kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S là không có căn cứ.

Đối với kháng cáo của anh S yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, xét thấy là không có cơ sở. Bởi lẽ: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm thì anh S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc nguyên đơn không tự thu thập tài liệu, chứng cứ được và có văn bản yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ hay đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tham gia tố tụng theo Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự “...7. *Đề nghị Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ việc mà tự mình không thể thực hiện được; đề nghị Tòa án yêu cầu đương sự khác xuất trình tài liệu, chứng cứ mà họ đang giữ; đề nghị Tòa án ra quyết định yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ đó; đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng, trung cầu giám định, quyết định việc định giá tài sản.*”. Ngoài ra, nguyên đơn cũng không có yêu cầu Tòa án sơ thẩm đối chất giữa nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng (nếu có), mà chỉ sau khi kháng cáo bản án sơ thẩm thì nguyên đơn mới có yêu cầu. Nên việc nguyên đơn yêu cầu là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc S và đại diện theo ủy quyền của anh S là anh Đặng Văn K vắng mặt nhưng cung cấp văn bản kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu không sửa án sơ thẩm đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo anh S là không có đủ căn cứ, đồng thời anh S cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng

cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc S không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc S;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2024/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Ngọc S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007378, ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Lập Vò;
- Chi cục THADS huyện Lập Vò;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi